TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 114/2021/HS- ST
Ngày: 22/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Anh Tuyết
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Xô
  Bà Nguyễn Thị Lựu

* *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thăng Long – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhung- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 124/2021/TLST- HS ngày 10 tháng 11 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2021/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Văn H - sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn N, xã M, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không

Trình độ văn hoá: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Bùi Văn C và bà Trương Thị C1; Gia đình có 05 chị em, bị cáolà con thứ 5.

Tiền sự: Không.

Tiền án:

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2016/HSST ngày 27/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn *(Nay là Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn)*, tỉnh Hải Dương xử phạt Bùi Văn H 04 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản *(Ngày thực hiện hành vi phạm tội 28/9/2015, giá trị tài sản trộm cắp là 160.000.000 đồng).* Ngày 29/01/2020, Huy chấp hành xong hình phạt tù của bản án. Huy chưa chấp xong phần thi hành án dân sự của bản án.

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 66/2020/HSST ngày 03/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xử phạt Bùi Văn H 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản *(Ngày thực hiện hành vi phạm tội 14/4/2020, giá trị tài sản trộm cắp là 3.840.000 đồng; Bản án xác định tái phạm)*. Ngày 02/4/2021, H chấp hành xong hình phạt tù. H chưa chấp hành phần thi hành án dân sự của bản án.

Nhân thân: Tại bản án số 53/2012/HSST ngày 10/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn *(Nay là TAND thị xã Kinh Môn)*, tỉnh Hải Dương xử phạt Bùi Văn H 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 14/7/2013, H chấp hành xong hình phạt tù của bản án. Ngày 17/7/2013, H đã chấp hành xong phần thi hành án dân sự của bản án.

Bị cáo H bị bắt tạm giam ngày 04/9/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. ***Có mặt.***

2. Họ và tên: Vũ Ngọc K1 - sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn N1, xã M, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không

Trình độ văn hoá: 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Vũ Văn C2 và bà Trương Thị K2; Gia đình có bốn anh chị em, bị cáo là con thứ tư; Vợ Hoàng Thị Y; Bị cáo có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 40/2011/HSST ngày 08/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn *(Nay là Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn)*, tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo Vũ Ngọc K1 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc. Ngày 21/12/2011, K1 chấp hành xong phần thi hành án dân sự của bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/9/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. ***Có mặt.***

***Người bị hại**: Chị Bùi Thị H1, sinh năm 1981 và anh Vũ Hữu K3, sinh năm1969; Đều ở địa chỉ: Thôn N1, xã M, thị xã K, tỉnh Hải Dương. *Đề nghị vắng mặt.*

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Phạm Bá T, sinh năm 1994, địa chỉ: KDC T1, phường T2, thị xã K, tỉnh Hải Dương. *Đề nghị vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ ngày 02/9/2021, Vũ Ngọc K1 điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ - đen, biển số 34B3-351.63 *(Xe K1 mượn của chị Hoàng Thị Y - sinh năm 1995, HKTT: M - K - Hải Dương)* đến nhà Bùi Văn H, ở Thôn N - M - K - Hải Dương, rủ H đi chơi, H đồng ý. K1 điều khiển xe mô tô chở H đi. Trên đường đi, K1 rủ H đến nhà vợ chồng chị Bùi Thị H1 - sinh năm 1981 và anh Vũ Hữu K3 - sinh năm 1969, ở Thôn N1 - M - K - Hải Dương để trộm cắp

chiếc xe đạp điện của vợ chồng chị H1, H đồng ý. Khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, khi đến cách cổng nhà chị H1 khoảng 20m thì K1 dừng xe, H xuống xe, còn K1 điều khiển xe đi lên phía trước cảnh giới. H mở cổng nhà chị H1 đi vào sân, nhìn vào trong nhà thấy không có người, tại sân có dựng 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Mometum, màu đỏ - đen, biển số 34MĐ3- 018.29. H dắt chiếc xe trên đi ra chỗ K1 đang đứng đợi. Sau đó K1 nổ máy xe kéo tay H điều khiển chiếc xe đạp điện đi về nhà H. Tại đây, H vào nhà lấy 01chiếc tô vít đưa cho K1 để K1 phá khóa ổ cắm điện và tháo biển số xe đạp điện đưa cho H. H vất biển số xe ở rãnh nước trong vườn. Sau đó, H và K1 đem chiếc xe đạp điện đến cửa hàng sửa chữa xe điện Quang Tuyến của anh Phạm Bá T - sinh năm 1994, ở T1 – T2- K bán cho anh Tuyến được số tiền 1.500.000 đồng. H chia cho K1 500.000 đồng, H và K1 đã tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: Ngày 03/9/2021, anh Phạm Bá T đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn chiếc xe đạp điện nêu trên. Ngày 03/9/2021, Vũ Ngọc K1 giao nộp chiếc xe mô tô biển số 34B3- 351.63. Cơ quan điều tra đã thu giữ trong vườn nhà H 01 biển số xe 34 MĐ3- 018.29.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 72 ngày 03/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 chiếc xe điện nhãn hiệu Momentum, màu đỏ - đen, giá trị còn lại là 3.795.000 đồng.

Ngày 06/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Kinh Môn đã trả lại cho chị Bùi Thị H1 chiếc xe đạp điện và 01 biển số xe 34MĐ3 - 018.29. Chị H1 không có yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự. Anh Phạm Bá T yêu cầu H, K1 phải hoàn trả số tiền 1.500.000 đồng. Chiếc xe mô tô biển số 34B3- 351.63 là xe của chị Hoàng Thị Y, Cơ quan điều tra- Công an thị xã Kinh Môn đã trả lại cho chị Y.

Tại bản cáo trạng số: 111/CT- VKS ngày 18 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn truy tố bị cáo Bùi Văn H về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Bị cáo Vũ Ngọc K1 về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo H, K1 và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn H, Vũ Ngọc K1 phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Áp dụng g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38, điểm s, h khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 24 đến 27 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 9 năm 2021;

- Áp dụng 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc K1 từ 09 đến 12 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 9 năm 2021

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo Bùi Văn H, Vũ Ngọc K1;

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 468, Điều 579, Điều 580 của Bộ luật dân sự, buộc các bị cáo H, K1 phải hoàn trả anh Phạm Bá T số tiền 1.500.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí của Tòa án, buộc các bị cáo H, K1 mỗi người phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và 300.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự.

* Các bị cáo H, K1 khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã đ□ợc tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nh□ sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an thị xã Kinh Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo H, K1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai các bị cáo đã khai nhận trong quá trình điều tra. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu liên quan khác được thu thập trong quá trình điều tra hiện có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 02/9/2021, tại nhà ở của vợ chồng chị Bùi Thị H1 và anh Vũ Hữu K3, địa chỉ: Thôn N1, xã M, thị xã K, tỉnh Hải Dương, Vũ Ngọc K1 và Bùi Văn H đã thực hiện trộm cắp của vợ chồng chị H1, anh K3 01 xe đạp điện nhãn hiệu Mometum, màu đỏ - đen, biển số 34MĐ3- 018.29, trị giá 3.795.000 đồng.

Xét, việc các bị cáo H, K1 có hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản thuộc quyền sở hữu của chị H1, anh K3 trị giá là 3.795.000 đồng. Bị cáo H lần phạm tội này bị xác định thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm *(vì tại Tại bản án hình sự sơ thẩm số 66/2020/HSST ngày 03/12/2020 của Tòa án nhân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xử phạt Bùi Văn H 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản đã xác định H phạm tội thuộc trường hợp tái phạm. Ngày 02/4/2021, H chấp hành xong hình phạt tù. H chưa chấp hành phần thi hành án dân sự của bản án)* nên việc Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn truy tố bị cáo H về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 và truy tố bị cáo K1 về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo H, K1 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, làm cho quần chúng nhân dân trên địa bàn thị xã K không yên tâm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày.

Các bị cáo H, K1 đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù nhận thức được hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng vì muốn có tiền để tiêu sài cho bản thân vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm nên cần áp dụng quy định về *đồng phạm* theo các Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự khi quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo Vũ Ngọc K1 là người không chấp hành pháp luật đã bị kết án, là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản của gia đình chị H1, buổi sáng ngày 02/9/2021 bị cáo là người đã chủ động đến nhà chị H1 quan sát vị trí gia đình chị H1 chiếc xe đạp điện để buổi tối đến trộm cắp, bị cáo lôi kéo bị cáo H vào việc phạm tội nên giữ vai trò chính. Bị cáo Bùi Văn H là đồng phạm với vai trò người thực hành tích cực, bị cáo H là người không chấp hành pháp luật, đã nhiều lần bị kết án về tội phạm chiếm đoạt tài sản nên cần phải có mức hình phạt nghiêm đối với cả hai bị cáo để cải tạo, giáo dục đối với chính bị cáo và góp phần vào việc phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng xét việc trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *Người phạm tội thành khẩn khai báo* theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo H bị xét xử theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 3.795.000 đồng nên bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *phạm tội gây thiệt hại không lớn* theo điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo H, K1 và hậu quả tội phạm mà các bị cáo đã gây ra cho xã hội nên cần phải có mức hình phạt phù hợp dành cho các bị cáo, cách ly các bị cáo H, K1 ra khỏi xã hội một thời gian mới giúp các bị cáo có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân sống có ích cho xã hội sau này;

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo trước khi phạm tội không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3].Về trách nhiệm dân sự: Chị H1, anh K3 đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì về dân sự nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án;

Đối với việc anh Phạm Bá T mua chiếc xe đạp điện biển số xe 34MĐ3 - 018.29 với số tiền 1.500.000 đồng. Xét, đây là việc mua bán dân sự giữa hai bị cáo và anh T. Hiện các bị chưa hoàn trả số tiền này nên việc anh T yêu cầu các bị cáo trả lại anh T số tiền 1.500.000 đồng này là đúng pháp luật nên cần buộc các bị cáo H, K1 cùng phải có trách nhiệm trả lại cho anh T số tiền 1.500.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4].Về án phí: Các bị cáo H, K1 bị xác định là có tội nên phải nộp tiền án phí sơ thẩm hình sự và án phí sơ thẩm dân sự theo quy định.

Trong vụ án này, đối với chị Hoàng Thị Y khi cho K1 mượn xe mô tô, chị Y không biết K1 sử dụng đi trộm cắp tài sản; anh Phạm Bá T khi mua chiếc xe đạp điện của H và K1 không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị Y, anh T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 38, các điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 468, Điều 579, Điều 580 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí đối với bị cáo H.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 và Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 468, Điều 579, Điều 580 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí đối với bị cáo K1.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn H, Vũ Ngọc K1 phạm tội Trộm cắp tài sản.

2.Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 26 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 9 năm 2021;

Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc K1 10 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 9 năm 2021;

3. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Bùi Văn H, Vũ Ngọc K1 cùng phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Phạm Bá T số tiền là 1.500.000 đồng (Một triệu lăm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí: Xử buộc các bị cáo Bùi Văn H, Vũ Ngọc K1 mỗi người phải phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm hình sự và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo H, K1 biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định; Người có quyền lợi liên quan biết được quyền kháng cáo phần quyền lợi liên quan trong bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuyết

** Nơi nhận:*
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Công an thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
-Trại tạm giam Công an tỉnh HD;
- Bị cáo; Người bị hại; Người có qlnv liên quan;
- Lưu